

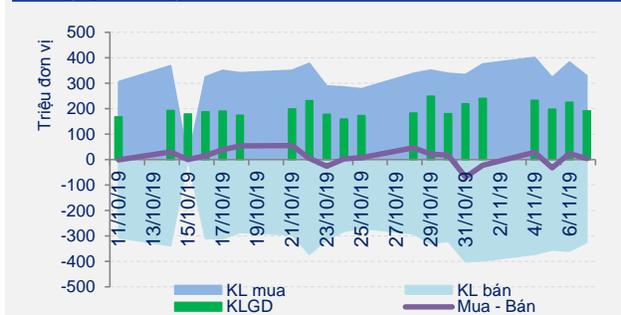
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/11/19

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 1,024.03 | 106.88 |
| % Thay đổi | ↓ -0.09% | ↑ 0.12% |
| KLGD (CP) | 191,501,313 | 22,022,530 |
| GTGD (tỷ đồng) | 4,039.87 | 287.77 |
| Tổng cung (CP) | 325,566,990 | 51,962,600 |
| Tổng cầu (CP) | 329,387,900 | 50,818,900 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 12,282,530 | 2,336,089 |
| KL mua (CP) | 18,088,500 | 1,459,650 |
| GTmua (tỷ đồng) | 645.55 | 11.90 |
| GT bán (tỷ đồng) | 512.13 | 26.03 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 133.42 | (14.13) |

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.06% | 13.3 | 2.7 | 2.4% |
| Công nghiệp | ↓ -0.28% | 14.5 | 2.9 | 25.9% |
| Dầu khí | ↓ -0.43% | 21.0 | 2.1 | 2.0% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.15% | 17.2 | 4.6 | 8.8% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.36% | 13.5 | 2.5 | 0.5% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.12% | 19.8 | 5.8 | 15.3% |
| Ngân hàng | ↑ 0.55% | 12.0 | 2.4 | 14.0% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 1.74% | 13.5 | 1.6 | 13.4% |
| Tài chính | ↓ -0.36% | 22.3 | 4.4 | 15.6% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↑ 0.33% | 14.6 | 3.1 | 2.3% |
| VN - Index | ↓ -0.09% | 16.7 | 4.0 | 106.3% |
| HNX - Index | ↑ 0.12% | 9.3 | 1.7 | -6.3% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay sau chuỗi 4 phiên tăng điểm liên tiếp. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 0,88 điểm (-0,09%) xuống 1.024,03 điểm; HNX-Index tăng 0,14 điểm (+0,13%) lên 106,88 điểm. Thanh khoản trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.521 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 215 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 843 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 212 mã tăng, 132 mã tham chiếu, 268 mã giảm. Thị trường giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau; nhưng càng về gần cuối phiên, áp lực bán lại gia tăng khiến chỉ số VN-Index kết phiên trong sắc đỏ nhẹ. Nhóm cổ phiếu trụ cột chịu áp lực chốt lời và có sự phân hóa với bên tăng giá là các cổ phiếu như BID (+2%), HPG (+3,2%), EIB (+5,7%), VCB (+0,3%), MSN (+0,7%), GAS (+0,3%), VHM (+0,1%), MWG (+0,6%), HVN (+0,8%)... và bên giảm giá là các mã như VIC (-0,9%), VNM (-0,8%), BVH (-1,3%), NVL (-1%), VPB (-0,7%), PLX (-0,5%), STB (-0,9%)... Cổ phiếu chứng khoán thu hút được dòng tiền với nhiều mã tăng như SSI (+1,6%), HCM (+2,2%), VND (+2,2%), MBS (+0,7%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thông tin từ cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung đã khiến các chỉ số chứng khoán Mỹ giao dịch giằng co quanh tham chiếu trong đêm qua và điều này đã có tác động nhất định đến thị trường Việt Nam. Chỉ số VN-Index giảm nhẹ sau bốn phiên tăng liên tiếp và tiếp tục kết phiên trong vùng kháng cự 1.020-1.025 điểm (đỉnh tháng 10/2018). Nếu vượt được vùng kháng cự này thì target tiếp theo của chỉ số sẽ là vùng 1.040-1.045 điểm (đỉnh tháng 6/2018). Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng với khoảng gần 150 tỷ đồng trên hai sàn là một điểm tích cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 11 đang có những diễn biến tích cực hơn với việc thu hẹp mức chiết khấu so với chỉ số cơ sở VN30 xuống còn 2,45 điểm cho thấy nhà đầu tư đang dần lạc quan hơn về triển vọng ngắn hạn của thị trường. Sẽ cần một phiên vượt lên trên ngưỡng 1.025 điểm để xác nhận xu hướng tăng tiếp tục. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để kết tuần trên ngưỡng 1.025 điểm (đỉnh tháng 10/2018). Nhà đầu tư trung và dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và có thể gia tăng tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh ở mức giá hấp dẫn hơn. Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua vào trong vùng giá hiện tại và có thể tận dụng những nhịp tăng trong phiên để chốt lời một phần.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/11/19

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số giảm trong phiên sáng với mức thấp nhất trong phiên tại 1.022,61 điểm. Đầu phiên chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.028,45 điểm. Tuy nhiên, từ khoảng 14h trở đi, lực cung lại gia tăng khiến chỉ số kết phiên trong sắc đỏ. Kết phiên, VN-Index giảm 0,88 điểm (-0,09%) xuống 1.024,03 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 1.100, VNM giảm 1.000 đồng, BVH giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số giảm trong phiên sáng với mức thấp nhất trong phiên tại 106,416 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh với mức cao nhất trong phiên tại 107,026 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,14 điểm (+0,13%) lên 106,88 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: DGC tăng 1.300 đồng, MBG tăng 3.300 đồng, SHB tăng 100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS giảm 1.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 133,47 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,8 triệu cổ phiếu. VRE là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 63 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 62,6 tỷ đồng tương ứng với 621 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 63,8 tỷ đồng tương ứng với 491,5 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 14,17 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 876 nghìn cổ phiếu. PCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 5,9 tỷ đồng tương ứng với 308,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NDN với 4,3 tỷ đồng tương ứng với 261 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,6 tỷ đồng tương ứng với 836 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Hà Nội dự kiến thu hút 8 tỉ USD đầu tư nước ngoài

Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019 của Hà Nội dự kiến có thể đạt trên 8 tỉ USD.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ sau bốn phiên giảm liên tiếp và chỉ số tiếp tục kết phiên trong vùng kháng cự 1.020-1.025 điểm (đỉnh tháng 10/2018), khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với 167 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 1.001 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 992 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 976 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để kết tuần trên ngưỡng 1.025 điểm (đỉnh tháng 10/2018).

HNX-Index:



HNX-Index tăng điểm nhẹ trong phiên thứ năm liên tiếp và chỉ số tiếp tục kết phiên trong vùng 106,5-107 điểm (đỉnh tháng 7/2019), khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 21 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 105,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 104,1 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 105,1 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/11, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm nhằm kết tuần trên ngưỡng 107 điểm (đỉnh tháng 7/2019).

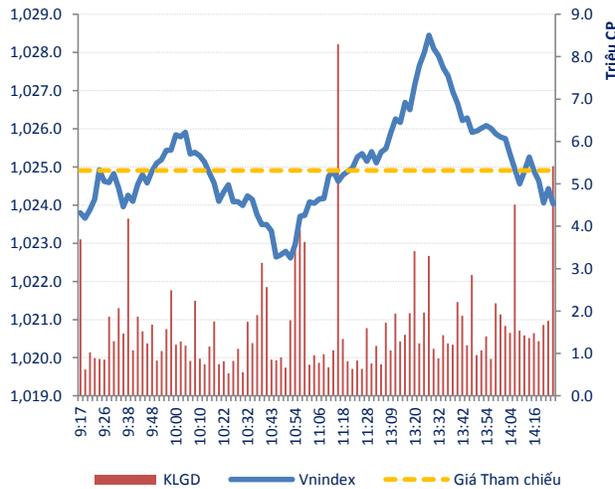


TIN TRONG NƯỚC

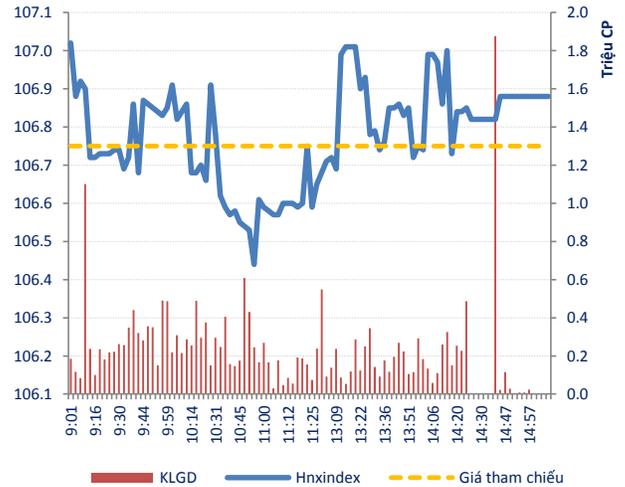
| | |
|--|--|
| Giá vàng trong nước giảm nhẹ | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 41,64 - 41,84 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 10.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng | Ngày 7/11, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.134 đồng (tăng 5 đồng). |
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,45 USD/ounce tương ứng 0,37% xuống mức 1.487,65 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,072 điểm tương ứng với 0,07% xuống 97,88 điểm. USD giảm so với EUR xuống mức: 1 EUR đổi 1,1082 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2868 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,59 USD/thùng tương ứng 1,05% lên mức 56,94 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều | Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/11, chỉ số Dow Jones giảm 0,07 điểm xuống 27.492,56 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 24,05 điểm tương ứng 0,29% xuống 8.410,63 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 2,16 điểm tương ứng 0,07% lên 3.076,78 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



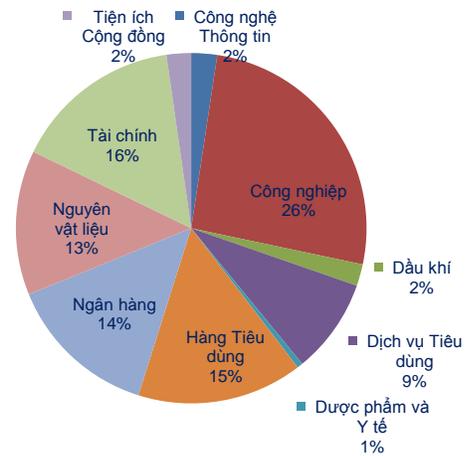
KLGD và HNX-Index trong phiên



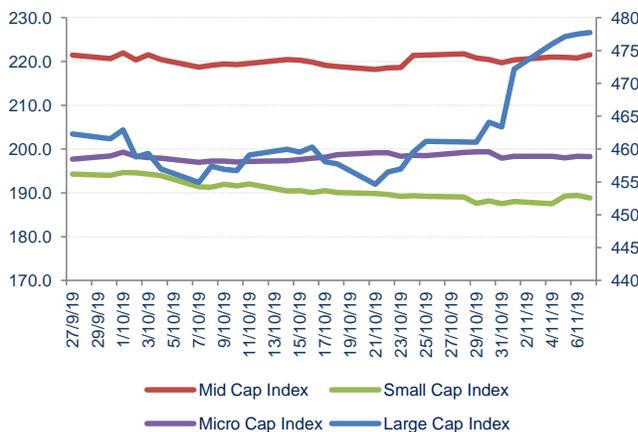
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



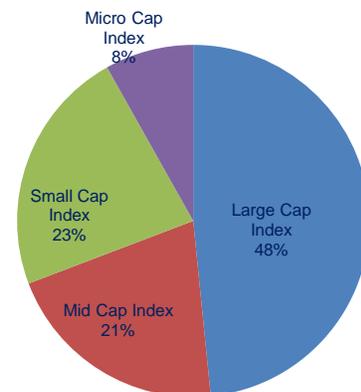
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HPG | 2,045,650 | VNM | 491,510 |
| 2 | VRE | 1,787,610 | HHS | 267,760 |
| 3 | ROS | 1,020,980 | ANV | 265,210 |
| 4 | STB | 709,730 | DBC | 217,030 |
| 5 | VHM | 621,250 | VND | 185,850 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SHB | 835,850 | CEO | 428,400 |
| 2 | IDJ | 36,400 | PVS | 308,500 |
| 3 | LAS | 13,200 | VIX | 290,310 |
| 4 | TIG | 11,000 | NDN | 261,400 |
| 5 | BAX | 10,600 | ART | 180,500 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| ROS | 25.00 | 25.00 | ⇒ 0.00% | 27,671,070 |
| HPG | 22.00 | 22.70 | ↑ 3.18% | 14,467,350 |
| FLC | 4.63 | 4.51 | ↓ -2.59% | 12,364,730 |
| SBT | 18.45 | 18.90 | ↑ 2.44% | 12,305,640 |
| MBB | 23.55 | 23.50 | ↓ -0.21% | 7,014,090 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| ACB | 24.60 | 24.60 | ⇒ 0.00% | 2,135,499 |
| SHB | 6.70 | 6.80 | ↑ 1.49% | 1,771,118 |
| PVS | 19.10 | 19.10 | ⇒ 0.00% | 1,748,390 |
| CEO | 9.20 | 9.50 | ↑ 3.26% | 1,560,328 |
| DST | 1.00 | 1.00 | ⇒ 0.00% | 1,156,100 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|------|----------|
| CHPG1905 | 0.99 | 1.23 | 0.24 | ↑ 24.24% |
| CREE1901 | 0.35 | 0.40 | 0.05 | ↑ 14.29% |
| CHPG1902 | 0.07 | 0.08 | 0.01 | ↑ 14.29% |
| CREE1904 | 2.96 | 3.30 | 0.34 | ↑ 11.49% |
| EMC | 10.00 | 10.70 | 0.70 | ↑ 7.00% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| NHP | 0.40 | 0.50 | 0.10 | ↑ 25.00% |
| GDW | 27.00 | 29.70 | 2.70 | ↑ 10.00% |
| FID | 1.00 | 1.10 | 0.10 | ↑ 10.00% |
| TV4 | 14.10 | 15.50 | 1.40 | ↑ 9.93% |
| VTS | 26.80 | 29.40 | 2.60 | ↑ 9.70% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|-------|-----------|
| CMSN1901 | 0.08 | 0.04 | -0.04 | ↓ -50.00% |
| CVRE1901 | 0.07 | 0.05 | -0.02 | ↓ -28.57% |
| CVNM1901 | 0.33 | 0.29 | -0.04 | ↓ -12.12% |
| SC5 | 25.00 | 23.25 | -1.75 | ↓ -7.00% |
| PJT | 11.50 | 10.70 | -0.80 | ↓ -6.96% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| TKC | 8.00 | 7.20 | -0.80 | ↓ -10.00% |
| BTW | 34.30 | 30.90 | -3.40 | ↓ -9.91% |
| PGT | 5.20 | 4.70 | -0.50 | ↓ -9.62% |
| PSD | 13.80 | 12.50 | -1.30 | ↓ -9.42% |
| RCL | 18.50 | 16.80 | -1.70 | ↓ -9.19% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| ROS | 27,671,070 | 2.9% | 299 | 83.7 | 2.4 |
| HPG | 14,467,350 | 3250.0% | 2,664 | 8.5 | 1.4 |
| FLC | 12,364,730 | 3.2% | 405 | 11.1 | 0.4 |
| SBT | 12,305,640 | 4.4% | 525 | 36.0 | 1.6 |
| MBB | 7,014,090 | 20.6% | 3,201 | 7.3 | 1.4 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-----|-----|
| ACB | 2,135,499 | 25.1% | 3,584 | 6.9 | 1.6 |
| SHB | 1,771,118 | 13.6% | 1,963 | 3.5 | 0.4 |
| PVS | 1,748,390 | 7.7% | 2,057 | 9.3 | 0.7 |
| CEO | 1,560,328 | 15.0% | 2,252 | 4.2 | 0.8 |
| DST | 1,156,100 | -3.3% | (353) | - | 0.1 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|--------|---------|------|-----|-------|-----|
| HPG190 | ↑ 24.2% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| REE190 | ↑ 14.3% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| HPG190 | ↑ 14.3% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| REE190 | ↑ 11.5% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| EMC | ↑ 7.0% | 0.3% | 33 | 328.7 | 1.0 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| NHP | ↑ 25.0% | -30.3% | (2,650) | - | 0.1 |
| GDW | ↑ 10.0% | 9.9% | 1,620 | 18.3 | 1.8 |
| FID | ↑ 10.0% | 0.1% | 8 | 146.2 | 0.1 |
| TV4 | ↑ 9.9% | 14.2% | 1,592 | 9.7 | 1.4 |
| VTS | ↑ 9.7% | -6.4% | (1,480) | - | 1.3 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 2,045,650 | 17.0% | 2,664 | 8.5 | 1.4 |
| VRE | 1,787,610 | 9.4% | 1,141 | 30.8 | 2.9 |
| ROS | 1,020,980 | 2.9% | 299 | 83.7 | 2.4 |
| STB | 709,730 | 10.9% | 1,543 | 7.1 | 0.7 |
| VHM | 621,250 | 31.9% | 5,276 | 18.9 | 6.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 835,850 | 13.6% | 1,963 | 3.5 | 0.4 |
| IDJ | 36,400 | 16.8% | 1,672 | 4.2 | 0.7 |
| LAS | 13,200 | 3.6% | 407 | 15.7 | 0.6 |
| TIG | 11,000 | 6.9% | 893 | 5.6 | 0.4 |
| BAX | 10,600 | 43.9% | 9,021 | 4.8 | 1.9 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 404,189 | 4.0% | 1,361 | 88.7 | 5.3 |
| VCB | 338,621 | 26.3% | 5,269 | 17.3 | 4.2 |
| VHM | 333,277 | 31.9% | 5,276 | 18.9 | 6.2 |
| VNM | 224,812 | 38.2% | 6,134 | 21.0 | 8.2 |
| GAS | 203,070 | 26.0% | 6,351 | 16.7 | 4.5 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 40,750 | 25.1% | 3,584 | 6.9 | 1.6 |
| VCS | 14,256 | 45.7% | 8,607 | 10.4 | 4.6 |
| VCG | 11,970 | 8.8% | 1,563 | 17.3 | 1.8 |
| PVS | 9,129 | 7.7% | 2,057 | 9.3 | 0.7 |
| SHB | 8,181 | 13.6% | 1,963 | 3.5 | 0.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| HCM | 3.13 | 10.3% | 1,448 | 17.5 | 1.8 |
| PXS | 2.68 | -22.3% | (2,121) | - | 0.7 |
| CLG | 2.42 | -50.0% | (5,245) | - | 0.6 |
| DAH | 2.34 | 3.4% | 369 | 27.0 | 0.9 |
| CMG | 2.24 | 8.2% | 1,697 | 23.0 | 2.1 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| MBG | 4.49 | 2.4% | 272 | 166.3 | 4.3 |
| DST | 4.46 | -3.3% | (353) | - | 0.1 |
| SFN | 4.05 | 8.7% | 1,585 | 23.3 | 2.0 |
| HTP | 4.03 | -0.5% | (61) | - | 0.6 |
| NBP | 3.98 | 16.5% | 3,227 | 4.6 | 0.8 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
